

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 8 – 2020
V/v ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 và Thông báo về việc dời phiên tòa số: 11/TB-TA ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Thanh Q, sinh năm 1959; Địa chỉ nơi cư trú: tổ 5, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (*Có mặt*)

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1959; Địa chỉ nơi cư trú: tổ 5, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (*Xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Thanh Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu ông Q và bà B quyết định chung sống với nhau vào năm 1981, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật vào năm 2008. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, bỏ mặc nhau mặc ai sống sao thì

sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông Q cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị B.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Thị Kim Q1, sinh năm 1981; Phan Thanh V, sinh năm 1984; Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1988. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu bà và ông Q chung sống với nhau năm 1981, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật vào năm 2010. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông Q thường xuyên đánh đập bà B, mỗi khi đi nhậu về là kiểm soát đánh đập, chửi bới bà B. Vì mâu thuẫn không thể sống chung nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm nhau nữa. Nay ông Q yêu cầu ly hôn thì bà B không đồng ý vì vợ chồng bà chưa phân chia được tài sản chung, chỉ khi nào chia tài sản chung của vợ chồng xong thì bà mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung tên Phan Thị Kim Q1, sinh năm 1981; Phan Thanh V, sinh năm 1984; Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1988. Do các con đã đủ tuổi trưởng thành nên bà B không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Bà B cho rằng hai vợ chồng chưa thỏa thuận được vấn đề chia tài sản chung nhưng bà B không làm đơn yêu cầu phân tố.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Ông Phan Thanh Q không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Bà Trần Thị B có đơn xin vắng mặt và không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, Điều 28: điểm a, khoản 1, Điều 35,

điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 9, 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho ông Q được ly hôn với bà Trần Thị B. Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn ông Phan Thanh Q, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn bà Trần Thị B có nơi cư trú tại tổ 5, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thanh Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà B tự nguyện sống chung với từ năm 1981, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước vào năm 2010 theo đúng quy định pháp luật. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, bỏ mặc nhau mặc ai sống sao thì sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bị đơn bà B cũng thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông Q thường xuyên đánh đập bà B, mỗi khi đi nhậu về là kiểm soát đánh đập, chửi bới bà B. Vì mâu thuẫn không thể sống chung nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm nhau nữa. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng xem xét đoàn tụ nhưng phía ông Q cương quyết ly hôn, bà B không đồng ý ly hôn vì lý do chưa giải quyết xong việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Xét thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã gây lộn nhau và sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Điều này cũng phù hợp với biên bản xác minh ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Q, cho ông Q được ly hôn với bà B.

[3.3] Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Thị Kim Q1, sinh năm 1981; Phan Thanh V, sinh năm 1984; Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1988. Do các con đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung: Ông Q và bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3.5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phan Thanh Q phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Phan Thanh Q

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phan Thanh Q được ly hôn với bà Trần Thị B.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Phan Thanh Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004162 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính trong thời hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã M - huyện C – tỉnh Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**